

Số: 54 /NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 02 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Thế tục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CEA.UD ngày 21/12/2015 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CEA.UD ngày 05/01/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-CEA.UD ngày 15/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, những vấn đề cần tập trung thảo luận do Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng chuẩn bị và các tài liệu liên quan đến cơ sở giáo dục Trường Đại học Thế tục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thế tục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tại Phiên họp thứ 18 ngày 04/02/2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thế tục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thế tục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài.



Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (Chi tiết kèm theo ở Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện 25 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục (Chi tiết kèm theo ở Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 46 của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**CHỦ TỊCH**



**PGS.TS. Nguyễn Quang Giao**



## PHỤ LỤC 1

### KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

#### TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Nghị quyết số ...5.4.../NQ-HĐKĐCLGD ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQĐHN)

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b>	<b>4.00</b>
1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4.00
2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4.00
3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4.00
4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	3.75
5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4.00
6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	3.86
7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	4.40
8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4.00
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>	<b>3.85</b>
9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3.67
10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4.00
11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3.75
12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4.00
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện các chức năng</b>	<b>3.89</b>
13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	3.80
14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	4.00
15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	4.00
16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	3.75
17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4.00
18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	4.00
19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	3.75
20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4.00
21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	3.75
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>	<b>3.90</b>
22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	4.00
23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	3.83
24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	3.75
25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4.00

**PHỤ LỤC 2**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 54 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 04 tháng 02 năm 2024 của  
Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo  
dục - ĐHDN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) về chiến lược: Sứ mạng (SM), tầm nhìn (TN), giá trị cốt lõi (GTCL) được ban hành bằng văn bản; được rà soát điều chỉnh dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, định hướng phát triển của Trường; được phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài bằng nhiều hình thức khác nhau. Hệ thống quản trị được thành lập và hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật, kế thừa truyền thống các thể hệ lãnh đạo của Nhà trường. Cơ cấu quản lý của Nhà trường tinh gọn, rõ ràng, phù hợp với việc quy định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường. Kế hoạch chiến lược của Nhà trường được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành các kế hoạch, chương trình dài hạn, ngắn hạn với các nội dung rõ ràng, thống nhất. Các chính sách đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCĐ) được Nhà trường ban hành, triển khai, rà soát, cập nhật hằng năm. Nhà trường triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực và rà soát, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và định hướng phát triển. Số lượng và chất lượng đội ngũ viên chức của Trường ngày càng phát triển đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Hệ thống cơ sở vật chất với các khu giảng đường, các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, sân bãi thể dục thể thao đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên (GV), sinh viên (SV). Mạng lưới đối tác trong nước và ngoài nước của Trường được xây dựng, phát triển mạnh và đem lại nhiều kết quả thông qua hoạt động hợp tác ĐT, trao đổi học thuật, NCKH.

2. Về ĐBCL về hệ thống: Hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường được quan tâm xây dựng, có cấu trúc chặt chẽ với sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Nhà trường chú trọng triển khai các hoạt động ĐT, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự tham gia hệ thống ĐBCL bên trong. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục được triển khai đúng quy định. Hệ

thông quản lý thông tin ĐBCL bên trong được xây dựng và vận hành. Hoạt động so chuẩn, đối sánh được triển khai và kết quả so chuẩn, đối sánh được sử dụng để cải tiến chất lượng.

3. Về ĐBCL về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai và phổ biến đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau. Các chương trình đào tạo (CTĐT), đề cương chi tiết học phần được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cải tiến theo kế hoạch của Trường. Triết lý giáo dục (TLGD) của Nhà trường “Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững” được ban hành và phổ biến đến các bên liên quan. Các phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) được GV sử dụng đa dạng, phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) và được rà soát, điều chỉnh. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai đa dạng, thiết thực và hiệu quả. Hoạt động NCKH được triển khai với kết quả cải thiện qua từng năm thông qua việc đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đấu chính về NCKH. Hoạt động kết nối và PVCĐ được triển khai đa dạng mang lại các kết quả cụ thể cho Nhà trường và cộng đồng.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập và rèn luyện của người học được xây dựng và triển khai. Tỷ lệ người học có việc làm tăng qua từng năm. Loại hình và khối lượng NCKH mà đội ngũ GV phải thực hiện được xác định và phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Hoạt động kết nối, PVCĐ, đóng góp cho xã hội được các bên liên quan ghi nhận và đánh giá cao. Nhà trường và các đơn vị, cá nhân thuộc Trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng bậc cao vì đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực thể dục thể thao. Các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp sau đây:

1. Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, giải thích nội dung SM, TN, GTCL đến các bên liên quan; tăng cường số lượng các bên liên quan bên ngoài Trường được thu thập ý kiến về SM, TN, GTCL; rà soát để điều chỉnh, cải tiến quy trình xây dựng, rà soát TN, SM, GTCL; khẩn trương áp dụng Quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong rà soát, điều chỉnh SM, TN, GTCL.

2. Tăng tính chủ động trong phân tích, dự báo, kiểm tra, giám sát nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường; tăng

cường sự phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban Giám hiệu trong triển khai các hoạt động của hệ thống quản trị.

3. Tăng cường bố trí nhân sự cho các phòng chức năng ghép nhiều bộ phận; tiếp tục đẩy mạnh quá trình tự chủ của Trường.

4. Rà soát, điều chỉnh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để thuận lợi cho việc đo lường; thường xuyên rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với các mục tiêu chiến lược đã xác định; cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường.

5. Tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ; mở rộng đối tượng và số lượng các bên liên quan được khảo sát ý kiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ; tập trung nguồn lực để điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ nhằm tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan.

6. Tăng cường các chính sách thu hút GV có học hàm học vị cao về công tác tại Trường; đẩy mạnh hoạt động ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV và nhân viên.

7. Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan về cơ sở vật chất của Trường; cập nhập, bổ sung cơ sở dữ liệu trực tuyến hàng năm; chú trọng triển khai chuyển đổi số.

8. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước và ngoài nước; xác định các đối tác ưu tiên trong quan hệ hợp tác; chú trọng dành nguồn lực cho việc cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

9. Ban hành kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ĐBCL gắn với kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường; tăng cường tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Trường; chú trọng áp dụng các chính sách ưu tiên về ĐBCL; rà soát, bổ sung các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL.

10. Thực hiện báo cáo riêng kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá; cử cán bộ, GV tham dự sát hạch kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm; đẩy mạnh hoạt động rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, kiểm định chất lượng giáo dục giữa các đơn vị trong Trường.

11. Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên

VÀ  
G TÀI  
ĐỊN  
LƯC  
SO DI  
C Đ

nền tảng ứng dụng CNTT đồng bộ; định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; tăng cường sử dụng thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của các đơn vị.

12. Tăng cường số lượng các trường đại học có uy tín để đối sánh; cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ.

13. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cập nhật các tiêu chí tuyển sinh dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh và nhập học; điều chỉnh, cải tiến quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

14. Tăng cường số lượng các bên liên quan được khảo sát về CTĐT; tăng cường số lượng CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế có uy tín để đối sánh; tăng cường tập huấn cho GV kỹ thuật xác định CĐR môn học phù hợp với CĐR của CTĐT; tăng số lượng các học phần tự chọn trong CTĐT.

15. Tăng cường số lượng các bên liên quan bên ngoài được khảo sát về TLGD; đẩy mạnh triển khai để GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR; tiếp tục triển khai rà soát, điều chỉnh TLGD.

16. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định về KTĐG người học; tăng cường triển khai xây dựng ngân hàng đề thi đối với tất cả các học phần; rà soát, đánh giá độ chính xác và độ tin cậy của các phương pháp KTĐG.

17. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo phục vụ tốt hoạt động giám sát người học; đẩy mạnh kết nối với các doanh nghiệp sử dụng lao động triển khai các hoạt động hỗ trợ người học; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

18. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung văn bản quy định về hoạt động NCKH; thường xuyên rà soát, giám sát các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH; cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu kết quả hoạt động NCKH của Trường.

19. Ban hành quy định hỗ trợ GV, SV đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ cũng như khai thác cơ sở dữ liệu, phần mềm, phát minh, sáng chế có bản quyền; tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ hằng năm; tăng cường áp dụng các biện pháp khuyến khích cán bộ, GV đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ đối với các công trình NCKH đã thực hiện.

20. Thường xuyên rà soát hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác của Trường; chú trọng triển khai các hoạt động cải thiện các mối quan hệ hợp tác, các đối tác sau mỗi lần rà soát; tăng cường đầu tư nguồn lực thúc đẩy

các quan hệ hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về NCKH.

21. Rà soát, cập nhật, bổ sung văn bản quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ; triển khai khảo sát các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng; tăng cường nguồn lực cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

22. Tăng cường giám sát tiến độ học tập của SV, đặc biệt là đối với các SV có nguy cơ hoặc bị cảnh báo lần thứ nhất; tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm.

23. Ban hành kế hoạch dài hạn về hoạt động NCKH của SV; tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích nhằm tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của GV, SV; đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp; giám sát dự toán và thực hiện dự toán mức chi cho hoạt động NCKH đảm bảo theo qui định.

24. Khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng; thường xuyên rà soát quy định cụ thể về các loại hình, nội dung và khối lượng hoạt động kết nối và PVCĐ; đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ.

25. Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các bên liên quan về các chỉ số tài chính và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ; thường xuyên rà soát, giám sát để xác định và áp dụng các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ phù hợp, khả thi.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng theo quy định./.

